

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN G, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung ;
2. Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần G.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần G.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần G, tỉnh L, Tòa án nhân dân huyện Cần G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27/6/2022, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 03/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc Tr, sinh năm: 1995, cư trú: Ấp Giồng Lớn, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức H, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm: 1988, địa chỉ: Thôn Lương Cang 1, xã Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Cư trú: Ấp Phước Hưng 1, xã Phước Lâm, huyện Cần G, tỉnh L.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971, cư trú: Ấp Giồng Lớn, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức H, tỉnh L.

Các đương sự có mặt.

NỘI HIỆN VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Chị Trần Thị Ngọc Tr trình bày:

Chị Trần Thị Ngọc Tr và Anh Trần Văn M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh N, huyện

Đức H, tỉnh L vào ngày 24/5/2017. Hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị Tr trình bày do Anh M có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, Chị Tr trực tiếp nhìn thấy nội dung tin nhắn của Anh M và người phụ nữ đó. Trước mặt mẹ Chị Tr, Anh M cho rằng Chị Tr không bằng người phụ nữ mà Anh M đang quen biết. Vợ chồng hiện tại không còn quan tâm đến nhau trong 02 năm và không còn sống chung khoảng 01 năm 03 tháng. Trong thời gian không sống chung thì Anh M, Chị Tr không có giải pháp gì để đoàn tụ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr yêu cầu ly hôn với Anh M.

Về con chung: Chị Tr và Anh M có con chung tên là Trần Ngọc L, sinh ngày 20/6/2017. Hiện cháu L đang sống chung với Chị Tr, cuộc sống cháu ổn định. Khi ly hôn Chị Tr yêu cầu nuôi con, không yêu cầu Anh M cấp dưỡng nuôi con. Chị Tr cho rằng chị có công việc ổn định tạo thu nhập, có thể sắp xếp thời gian làm việc để chăm sóc cho con đầy đủ về mặt vật chất và tinh thần. Nếu chị có bận việc thì có cha mẹ chị hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Linh. Chị Tr thừa nhận Anh M có thu nhập tốt, tuy nhiên, Anh M sẽ thỏa thuận với Chị Tr để hỗ trợ tiền bạc cùng nuôi cháu, để cháu có cuộc sống tốt hơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là Anh Trần Văn M trình bày trong quá trình giải quyết:

Anh M thống nhất với lời trình bày của Chị Tr về thời điểm cưới nhau, việc đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo như Chị Tr trình bày thì Anh M không đồng ý. Theo Anh M, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng mâu thuẫn trong 02 năm và không còn sống chung khoảng 01 năm 03 tháng. Chị Tr yêu cầu ly hôn thì Anh M không đồng ý do Anh M còn thương Chị Tr, muốn được về chung sống để đoàn tụ với vợ con.

Về con chung: Chị Tr và Anh M có con chung tên là Trần Ngọc L, sinh ngày 20/6/2017. Hiện cháu Linh đang sống chung với Chị Tr. Khi ly hôn Anh M yêu cầu nuôi con, không yêu cầu Chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Anh M trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu của anh chị xuất phát là vợ chồng không tin tưởng nhau, Chị Tr cho rằng Anh M có con với người phụ nữ khác. Anh M xác định người phụ nữ mà Chị Tr đề cập chỉ là bạn bè của anh. Người phụ nữ này nhờ anh làm công việc, đổi lại, sẽ đưa anh số tiền là 250.000.000 đồng để Anh M thanh toán nợ, nên giữa anh và người phụ nữ đó mới có cách xưng hô là vợ chồng. Anh xác định Chị Tr có nhìn thấy tin nhắn nhưng không phải do anh gửi. Thời gian không sống chung, anh, chị không có giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh M yêu cầu được nuôi cháu L vì anh có tiềm lực tài chính, môi trường làm việc thuận lợi để chăm con, định hướng giáo dục của Anh M là muốn cháu L có môi trường tốt để phát triển toàn diện. Cháu L có năng lực ngoại ngữ, nên phải được tạo điều kiện càng sớm càng tốt, nhưng Chị Tr chưa đáp ứng. Chế độ ăn uống của cháu hiện tại không đảm bảo, do Anh M luôn cho cháu Linh ăn ít gia vị, trong khi Chị Tr không quan tâm điều này, khiến cháu có vấn đề tiêu hóa. Theo Anh M, hiện cháu Linh có tâm lý bất ổn, nhưng Anh M không đưa ra được xác nhận của cơ quan chuyên môn để chứng minh.

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T là mẹ ruột Chị Tr. Trong thời gian Anh M và Chị Tr không sống chung, Chị Tr và cháu Linh đang ở chung với vợ chồng bà. Khi Chị Tr đi làm, vợ chồng bà hỗ trợ Chị Tr chăm cháu. Cuộc sống của cháu Linh ổn định, phát triển mọi mặt.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần G phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Tr đối với Anh M do thời gian hai anh chị không sống chung đã lâu, trong thời gian không sống chung không có giải pháp gì để đoàn tụ.

Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trần Ngọc L cho Chị Tr nuôi dưỡng do trong thời gian Chị Tr, Anh M không sống chung, cháu Linh vẫn ở với chị Linh, điều kiện sống cháu ổn định, không cần phải xáo trộn. Mức cấp dưỡng không yêu cầu nên không xét đến.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Chị Tr chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần G được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68 ngày 24/5/2017 do xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức H, tỉnh L cấp thì Chị Trần Thị Ngọc Tr và Anh Trần Văn M là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Chị Tr và Anh M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2017, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị Tr trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, Anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh M cho rằng vợ chồng anh do không tin tưởng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị Tr và Anh M trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là có sự khác nhau. Anh chị mâu thuẫn đã 02 năm, không sống chung được 01 năm 03 tháng. Theo Chị Tr, thời gian không sống chung anh chị không có giải pháp gì để đoàn tụ, mỗi người có cuộc sống riêng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải, nhưng anh chị không thể hòa giải đoàn tụ được. Anh M cho rằng anh còn thương vợ, thương con, nhưng anh không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, Chị Tr vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Chị Tr và Anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của Chị Tr là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị Tr và Anh M có con chung tên là Trần Ngọc L, sinh ngày 20/6/2017. Hiện cháu Linh đang sống chung với Chị Tr. Tại phiên tòa, Chị Tr và Anh M đều yêu cầu nuôi con. Hiện cháu Linh đang học tại trường mầm non Mỹ Hạnh Nam của huyện Đức H, tỉnh L.

Về điều kiện nuôi con: Hiện Chị Tr đang công tác tại Công ty cổ phần đầu tư Bệnh viện Xuyên Á, thu nhập bình quân là khoảng 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng/tháng. Còn Anh M đang là kế toán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bách Tùng Long An và thực hiện một số công việc khác, mức lương thực lãnh bình quân 06 tháng gần nhất là 60.000.000 đồng. Anh M cho rằng anh có nhà riêng kiên cố, công việc anh có nhiều thời gian để chăm sóc cháu Linh hơn Chị Tr. Chị Tr cho rằng nếu chị đi làm, ông bà ngoại cháu sẽ thay chị chăm sóc cháu. Hiện Chị Tr đang học trực tuyến để nâng cao trình độ bản thân, nên cũng không ảnh hưởng nhiều đến thời gian chăm cháu. Anh M, Chị Tr đều có chỗ ở ổn định, môi trường sống, thời gian chăm sóc đảm bảo cho sự phát triển cả về tinh thần và thể chất của cháu Linh. Như vậy, xét về điều kiện nuôi con thì Anh M và Chị Tr đều thỏa mãn.

Chị Tr cho rằng Anh M sống có một mình ở xã Phước Lâm, huyện Cần G, tỉnh L không người thân thích, nếu có công việc đột xuất, không có người chăm sóc cháu Linh, nhất là khi ốm đau, bệnh vặt. Cháu L là bé gái, trong độ tuổi này cần ở cạnh mẹ để được chăm sóc, dạy bảo về giới tính, kỹ năng sống. Lời trình bày này có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng không còn sống chung, dù Chị Tr chăm sóc cháu Linh nhưng vẫn tạo điều kiện cho Anh M thăm con. Anh M thừa nhận thời gian không sống chung, Chị Tr về cơ bản chăm sóc tốt cháu L. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong đời sống của cháu L, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao Chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc L, sinh ngày 20/6/2017.

Về mức cấp dưỡng: Chị Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr, Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.5] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí Chị Tr đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004648, ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần G chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Ngọc Tr đối với Anh Trần Văn M.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc Tr được ly hôn với Anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc Tr trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Ngọc L, sinh ngày 20/6/2017. Anh Trần Văn M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Tr phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí Chị Tr đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004648, ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần G chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, đương sự có mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần G;
- Chi cục THADS huyện Cần G;
- UBND xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết Nhung-Nguyễn Thị Kim Cương Nguyễn Thị Thanh Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần G;
- Chi cục THADS huyện Cần G;
- UBND xã Phước Lại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm